



# NHỚ NGƯỜI THƯƠNG BINH

Tập san

Số 48

# Biệt Động Quân

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG HỘI B.Đ.QU.

# Thư Tặng Hội

Orange County , ngày 01 tháng 8 năm 2016.

Thưa Quý Niên trưởng, Chiến hữu

Thưa quý thân hữu, độc giả

Thâm thoát mà người Việt tỵ nạn cộng sản đã xa quê hương 41 năm, so với tuổi thọ của một đời người thì 41 năm quả là một thời gian khá dài- Nhưng bất hạnh thay, từ ngày đất nước thân yêu của chúng ta bị bọn độc tài cộng sản cưỡng chiếm thì Việt Nam trở thành một xứ sở nghèo nàn, tụt hậu so với nhiều quốc gia láng giềng. Bọn lãnh đạo chóp bu, đã cấu kết ,lập phe để tham nhũng, bòn rút tài nguyên quốc gia, dâng biển, bán đất cho quan thầy Trung Cộng hầu lập đầy túi tham không đáy, mặc cho người dân kêu than, đói khổ. Hai hình ảnh của xã hội Việt Nam ngày nay: Bọn cầm quyền sống xa hoa ,nhà cao cửa rộng, con cái hoang phí tiền bạc. Ngược lại, người dân thì chịu cuộc sống thiếu thốn, đói nghèo, bị đối xử bất công-Nhất là tại nông thôn hoặc tại các vùng cao nguyên, rừng núi.. Trẻ em thì ăn, mặc còn không có cha mẹ lấy đâu ra tiền để cho con học hành.

Lời tuyên bố: “Việt Nam đã phát triển, kinh tế phồn thịnh” chỉ là sự phô trương đánh bóng của chế độ qua các bộ mặt hào nhoáng tại các đô thị !. Chiêu bài :”Độc Lập- Tự Do-Hạnh Phúc” chỉ là chiếc bánh vẽ.Vì thế, người Việt Tỵ nạn cộng Sản chúng ta phải tiếp tục tranh đấu,Người lính VNCH nói chung,các quân nhân binh chủng Biệt Động Quân nói riêng phải tích cực yểm trợ các thành phần trẻ tại quốc nội,đang đòi hỏi Tự Do dân Chủ Nhân quyền bằng cách sinh hoạt tích cực trong cộng đồng,sẵn sàng hướng dẫn giới trẻ để họ hiểu rõ sự gian manh, độc ác của cộng sản, cảnh giác đối

với sự xâm nhập của bọn “Đón gió trở cờ “.Chuẩn bị “Lực lượng kế thừa”.Có như vậy công cuộc tranh đấu mới mong sớm đem lại Tự Do Hạnh Phúc Thật cho hơn 90 triệu đồng bào đang kêu gào,than khóc dưới sự ngược đãi,tàn bạo của chế độ cộng sản đè nặng trên thân phận.

Để đánh dấu ngày thành lập binh chủng BĐQ, Hội BĐQ Houston,Texas đã được Tổng Hội Ủy thác nhận lãnh trách nhiệm tổ chức Đại Hội:

### KỶ NIỆM 56 NĂM THÀNH LẬP BINH CHỨNG BIỆT ĐỘNG QUÂN (1960- 2016)

Ngày 03 và 04 tháng 9 năm 2016 tại thành phố Houston,Texas-Hoa Kỳ.

Đây là một sinh hoạt quan trọng của binh chủng, sự tham dự thật đông đủ của tất cả chúng ta là cần thiết.Đến dự Đại Hội để chúng ta cùng nhau thảo luận,đưa ra đường lối hoạt động chung cho Tổng Hội và các hội địa phương, nhằm mục đích giúp cho công cuộc tranh đấu đòi Tự Do Dân Chủ thật sự cho quê nhà sớm thành tựu.Ngoài ra cũng không kém phần quan trọng đây là cơ hội để đại gia đình Mũ Nâu trên toàn thế giới Hội Ngộ để chúng ta được gặp gỡ hàn huyên, cùng ôn lại bao kỷ niệm của đời quân ngũ,-bao tủi nhục sau những ngày đất nước lọt vào tay cộng sản, những ngày lao tù ,đầy đọa khốn khổ.....

Trân trọng kính mời quý Niên Trưởng,chiến hữu, thân hữu,quý phu nơn và gia đình hãy chuẩn bị chương trình, phương tiện để kịp có mặt tại Đại Hội- Chắc chắn chúng ta sẽ gặp nhau thật đông tại Houston,Texas vào những ngày Đại Hội BĐQ sắp tới.

Trân trọng kính chào quý vị.

TM.Tổng Hội Biệt Động Quân /VNCH.

Tổng Hội Trưởng



BĐQ Nguyễn Minh Chánh  
(xem thư mời và chương trình đại hội đính kèm)

**ĐH 56**



**TỔNG HỘI BIỆT ĐỘNG QUÂN HẢI NGOẠI  
HỘI BIỆT ĐỘNG QUÂN HOUSTON**

# Thư Mời

**Kính gửi :**

- Tổng Hội Biệt Động Quân Hải Ngoại, Ban Biên Tập Tập San Biệt Động Quân, Hội Biệt Động Quân Nam, Bắc Cali, Hội Biệt Động Quân Washington State, Hội Biệt Động Quân Washington DC, Hội Biệt Động Quân Georgia và Tất cả Quý Chiến Hữu Biệt Động Quân hiện cư ngụ tại các Tiểu Bang của Hoa Kỳ.
- Tất cả Quý Chiến Hữu Biệt Động Quân hiện cư ngụ tại Úc Châu, Âu Châu và Canada.

Trân trọng kính mời,  
Quý Niên Trưởng, Quý Huynh Trưởng và Quý Chiến Hữu Biệt Động Quân hiện định cư tại Hoa Kỳ và khắp nơi trên Thế Giới, vui lòng về tham dự ĐẠI HỘI 56 NĂM, ngày thành lập Binh Chủng Biệt Động Quân do Hội Biệt Động Quân Houston, Texas, Hoa Kỳ tổ chức, tại :

**THÀNH PHỐ HOUSTON, TIỂU BANG TEXAS, HOA KỲ.**

**Trong 2 ngày : 03 & 04 tháng 09 năm 2016.**

Sự tham dự của Quý Vị là một khích lệ lớn lao cho Ban Tổ Chức và là một nhân tố rất cần thiết cho sự thành công của Đại Hội 56.  
Kính chào đoàn kết.

**TM. BAN TỔ CHỨC  
Trưởng Ban**

*Wang H Dang*

**Đính kèm :**

\* CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI 56.

**BDQ ĐẶNG HƯNG VƯỢNG**

**Ghi Chú :**

\* Thiệp Mời sẽ gửi tới (Nếu có yêu cầu)

**DH 56**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI BIỆT ĐỘNG QUÂN  
Kỷ Niệm 56 Năm Thành Lập Binh Chung**

-----

**I. ĐỊA ĐIỂM :** Thành phố Houston, Tiểu Bang TEXAS

**II. THỜI GIAN :** Thứ Bảy ngày 03 và Chúa Nhật ngày 04-09-2016.

**III. BAN TỔ CHỨC :** Hội Biệt Động Quân Houston.

**IV. CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI :**

**1. Thứ sáu ngày 02-09-2016:**

- Đón tiếp các Chiến Hữu từ khắp nơi về dự Đại Hội 56.

- 6:00PM – 10:00PM : Tiệc Hội Ngộ tại nhà anh Đặng hưng Vương  
(9719 – Rathbone Dr. Houston, TX 77031. ĐT : 713-232-9602)

**2. Thứ bảy ngày 03-09-2016:**

- 8:00 AM - 5:00 PM : Du ngoạn thăm khu NASA và chung quanh Thành Phố Houston (Với điều kiện ghi tên với Ban Tổ Chức trước một tuần lễ và tổng số tham dự phải trên 30 người)

- 6:00 PM – 10:00 PM : TIỀN ĐẠI HỘI.

Tại NHÀ VIỆT ( Vietnamese Civic Center)

11360 – Bellaire Blvd. ST # 900

ĐT : 281-498-8438

**3. Chúa Nhật ngày 04-09-2016 : ĐẠI HỘI 56.**

- 8:00 AM – 9:00 AM : - Lễ Truy Diệu tại Tượng Đài Chiến Sĩ Việt Mỹ.

- 10:00 AM – 3:00 PM : - Sinh hoạt Đại Hội tại Nhà Việt.

- 6:00 PM – 11:00 PM : - Dạ Tiệc Sinh Nhật 56.

Tại Nhà Hàng OCEAN PALACE

11215-Bellaire Blvd

Houston, TX 77072

ĐT : 281-988-8898

**V. GIỚI THIỆU HOTEL:**

1. . . . . HILTON GARDEN INN HOUSTON WESTBELT

(\$89/ngày. Có nhiều điều kiện rất tốt và thuận tiện đi lại)

6855-W Sam Houston Pkwy S

Houston, TX 77072 USA

Phone : 713-270-6100

2. . . . . PALACE INN WEST OAKS (\$75/ngày)

7777 – Highway 6 S.

Houston, TX 77083 USA

Phone : 281-988-9900

# NHỮNG MẪU CHUYỆN CHIẾN TRƯỜNG

## Bài thứ tư

# TRẬN ĐÁNH BÌNH GIÀ.

**Trường An & Trần Nguyên Công.**

Ngày 20 tháng 7 năm 1954, hiệp định đình chiến ở Việt Nam được ký kết giữa Pháp quốc và CSBV tại Geneve. Hiệp định này khiến nước Việt Nam đang toàn vẹn lãnh thổ bị chia cắt thành hai miền bởi vĩ tuyến 17 mà sông Bến Hải là điểm chia cắt địa dư.

Kể từ ngày 26/10/1956, tại miền nam Việt Nam, sau khi quốc hội ban hành hiến pháp, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm chính thức tuyên bố thành lập chính thể Việt Nam Cộng Hòa và đó là khởi điểm đầu tiên cho một thể chế độc lập, tự do. Ngày 26 tháng 10 là ngày quốc khánh nước Việt Nam Cộng Hoà. Không ký tên vào văn bản hiệp định, VNCH không thừa nhận hiệp định Geneve chia đôi đất nước. Chính phủ nước Việt Nam Cộng Hoà gấp rút ổn định tình hình an ninh trong nước, thực hiện nhiều quốc sách với chủ trương mang lại những lợi ích cho người dân hầu xây dựng đất nước thành một quốc gia hoà bình thịnh vượng.

Những công trình khai khẩn đất hoang, lập đồn điền, xây dựng nhà máy thủy điện, đường hoả xa xuyên Việt, quốc lộ, tỉnh lộ, và những khu trù mật đã mang lại cho miền nam Việt Nam một cái nhìn đầy thiện cảm của các nước láng bang. Thủ đô Sài Gòn được tặng danh hiệu “VIÊN NGỌC VIÊN ĐÔNG”. Trong thời gian này, hệ thống trường học

công lập từ tiểu học đến trung học, đại học được gấp rút hình thành. Một hệ thống giáo dục hết sức chú trọng đến việc hình thành nhân cách sống cho công dân khiến người học sinh nào cũng biết đến môn học công dân giáo dục. Ở giai đoạn này, trong gia đình, người dân miền Nam Việt Nam thường nói đến lòng tự trọng hơn là nói với nhau về thù hận, chiến tranh. Thời gian từ năm 1956 đến năm 1961 là những năm tháng đẹp nhất của miền nam Việt Nam. Khoảng thời gian mà những tài năng về tất cả các bộ môn văn học nghệ thuật, thể thao của nước Việt Nam được thế giới biết đến và ngưỡng mộ. Nền tảng của một quốc gia độc lập, dân chủ đã được hình thành chính từ giai đoạn lịch sử này.

Trong khi đó, tại miền Bắc Việt Nam, dưới sự cai trị của đảng CS, người dân phải sống trong u tối, khiếp sợ, nghèo nàn lạc hậu.

Sau cái gọi là tiêu thổ kháng chiến, đến năm 1954, miền Bắc Việt Nam chỉ còn là vùng đất hoang tàn. Người dân không còn tài sản và ngay cả lương thực cũng phải làm đơn xin những tổ chức của chính quyền CS. Nhiều nhà địa chủ bị giết hại vô cớ, nhiều nhà hoạt động văn học nghệ thuật bị giam hãm, bức hại. CSBV đã phủ xuống toàn cõi Bắc Việt bức tranh u buồn, ảm đạm và che kín mọi cái nhìn từ bên ngoài bằng cái mà người ta thường gọi là bức màn sắt. Phía sau bức màn sắt, CS hủy diệt tất cả những cái được xem như ngàn năm văn vật của miền Bắc. Thay vào đó là một nền giáo dục nô dịch, chủ ý gây nên sự thù hận trong con người ngay từ lúc còn thơ ấu, ngay từ những ngày đầu tiên cắp sách đến trường. Thù hận giai cấp, thù hận người giàu có, thù hận những người có học thức. “Trí phú địa hào đào tận gốc tróc tận rễ”. Mà quả thật, sau cơn địa chấn cải cách ruộng đất rồi nhân văn giai phẩm, toàn thể người dân miền Bắc Việt Nam như được tiêm vào máu tính khiếp sợ, thuần phục. Họ ngoan ngoãn thi hành chỉ thị của đảng với một bộ

óc đầy tính hận thù và bạo động.

Khi đã thuần phục được người dân, biến người dân thành những nô lệ ác độc, CSBV bắt đầu mở cuộc trường chinh xuống phía Nam với ý định dùng xương máu dân Việt Nam nhuộm đỏ toàn cõi nước Việt Nam để thu tóm quyền lực và tài sản quốc gia.

Năm 1955, một năm sau khi đặt bút ký vào hiệp ước chia đôi đất nước, CSBV bắt đầu mở ra chiến tranh du kích tại miền Nam Việt Nam bằng những hình thức phá hoại, khủng bố, ám sát thường dân cùng những viên chức xã ấp. Những hoạt động này bị quốc sách Ấp Chiến Lược và những binh lính tinh nhuệ Lực Lượng đặc Biệt và Biệt Động Quân của miền Nam chặn đứng.

CSBV buộc phải đưa cán bộ và bộ đội cùng vũ khí quân dụng vào miền Nam.

Tháng 5/1959, CSBV thành lập đường chuyển vận từ miền Bắc vào Miền Nam xuyên qua hai nước Lào và Campuchia rồi cuối cùng vào Việt Nam Cộng Hoà. (1)

Tháng 7/1959, CSBV thành lập tiểu đoàn 644 cũng chính là đơn vị 759.

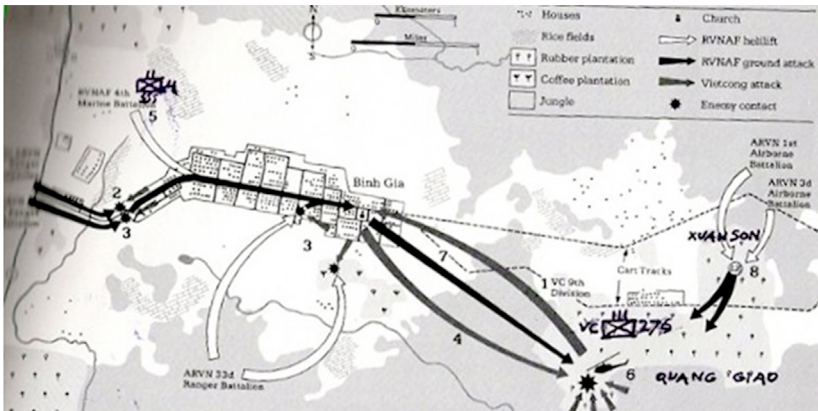
Đơn vị này giả danh là tập đoàn đánh cá Miền Nam, đóng tại cửa sông Gianh, chuyên trách chuyển vận vũ khí, đạn dược, cán bộ vào miền Nam bằng đường biển. Đơn vị này do Lưu Đức và Hà Văn Xá chỉ huy. Chuyển đầu tiên xuất phát từ cửa sông Gianh đúng đêm giao thừa năm 1959 và mất tích. (2)

Ngày 20/12/1960, sau khi đưa người và khí tài vào miền Nam, CSBV thành lập MTGPMN. Đây chính là một công cụ để CSBV phát triển cuộc chiến tranh tệt hại nhất thế kỷ ngay trên lãnh thổ tổ quốc Việt Nam.

Bốn năm sau, cuối năm 1964, CSBV mở chiến dịch Bình Giã gây tiếng vang lớn ngay tại tỉnh Phước Tuy, cách thủ đô Sài Gòn chỉ có 67 km về hướng Đông. CSBV đã tập trung



gần 7 ngàn quân để thực hiện chiến dịch này



Đã có nhiều bài viết về trận đánh này từ phía VNCH và đồng minh Hoa Kỳ. Ngay cả những cơ quan tuyên truyền của csbv cũng đã tường thuật về trận đánh này một cách rất kịch tính.

Trong bài viết hôm nay, người viết muốn nhìn lại trận Binh Giã bằng bức tranh toàn cảnh miền Nam Việt Nam trong những năm khởi đầu cuộc chiến tranh quốc cộng.

Năm 1960, chính trường Nam Việt Nam, sau một thời gian thật yên bình, thịnh vượng, bắt đầu có những chỉ dấu của biến động.

Ngày 26/4/1960, 18 nhân sĩ thuộc nhóm “tự do tiến bộ” gửi Tổng Thống VNCH một tuyên ngôn thỉnh cầu Tổng Thống gấp rút thay đổi chính sách.. . (3)

Ngày 11/11/1960 xảy ra cuộc đảo chánh mà thành phần chính là những quân nhân của quân lực VNCH. Cuộc đảo chánh bất thành, những quân nhân chủ mưu trốn ra ngoại quốc. Có người trốn theo phía CSBV.

Ngày 27/2/1962 hai phi công thuộc không lực VNCH lái hai chiếc chiến đấu cơ đánh bom vào Dinh Độc Lập. Một bị bắn rơi, phi công bị bắt giam. Chiếc còn lại bay thoát ra ngoại quốc.

Ngày 8/5/1963 bùng nổ vụ phật giáo: Ngày 5/5/1963 thành phố Huế treo nhiều cờ Công Giáo để đón mừng đức cha Ngô Đình Thục, ngày 6/5/63 đồng lý văn phòng phủ Tổng Thống gửi Quách Tùng Đức gửi đi khắp nơi lệnh cấm treo cờ tôn giáo theo khẩu lệnh của tổng thống Ngô Đình Diệm. Lệnh này được ban hành không đầy 48 tiếng đồng hồ trước lễ Phật Đản 2507 ngày 8/5/630 và tới các địa phương ngày hôm sau 7/5/63 khi các tư gia, chùa chiền đã treo cờ ngũ sắc Phật Giáo cùng biểu ngữ và cổng chào. (4). Từ sự việc này, người dân cho rằng chính quyền cấm treo cờ Phật Giáo. Thế là bùng nổ cuộc tranh đấu của Phật Giáo và đó cũng là biến cố sau cùng và lớn nhất đưa đến sự sụp đổ của nền Đệ Nhất Cộng Hoà.

Ngày 1/11/1963 những tướng lãnh quân đội lại đảo chánh và lần này, quân đảo chánh đã thảm sát vị nguyên thủ quốc gia của họ. Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị giết chết mờ ám cùng bào đệ Ngô đình Nhu. Ngay khi cuộc đảo chánh thành công, hội đồng quân nhân quyết định phá bỏ những áp chiến lược, chấm dứt quốc sách chống du kích hữu hiệu này.

Liên sau đó, ngày 30/1/1964, tướng Nguyễn Khánh lại làm một cuộc đảo chánh (thường gọi là chính lý) để tước quyền những tướng lãnh chủ mưu giết hại tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Ngày 16/8/1964 tướng Nguyễn Khánh ban hành hiến chương (thường gọi là hiến chương Vũng Tàu).

Ngày 25/8/1964, hàng ngàn người xuống đường đã đảo hiến chương và ngày 25/8/1964, hiến chương bị hủy bỏ.

Ngày 13/9/1964, tướng Dương văn Đức và tướng Lâm Văn Phát kéo quân về Sài Gòn chống chính phủ Nguyễn Khánh, nhưng bị chặn đứng.

Ngày 19/2/1964, Tướng Lâm Văn Phát và Đại tá Phạm Ngọc Thảo lại đảo chánh nhưng bất thành.

Ngày 25/5/1964, tướng Nguyễn Khánh phải chấp nhận ra khỏi nước dưới áp lực của những vị tướng lãnh từng là

thuộc cấp của mình.

Kể từ đó, miền Nam Việt Nam rơi vào cuộc khủng hoảng lãnh đạo. Các vị chỉ huy cao cấp không còn tâm trí để thi hành chức vụ lãnh đạo trong quân đội. Mọi nơi, từ cấp thượng tầng kiến trúc, các vị lãnh đạo chính trị và quân sự chỉ còn có một điều để lưu tâm; đó là cái gì sẽ xảy ra ở chính trường miền Nam Việt Nam và phe phái nào sẽ nắm quyền lãnh đạo đất nước. Ai sẽ là người được chính quyền Hoa Kỳ ủng hộ.

Ở chiến trường hầu như mọi hoạt động quân sự trở nên thụ động, quân đội gần như mất phương hướng. Để chống lại cuộc chiến tranh hiểm ác của CSBV, quân đội VNCH chỉ còn là những cuộc hành quân phản ứng cấp thời mà không có một quan niệm hành quân đúng đắn, không còn có một cấp chỉ huy cao cấp nào chịu trách nhiệm về sự thất trận và thương vong của quân nhân các cấp.

Chính trong thời điểm này, lợi dụng sự tê liệt của guồng máy chiến tranh miền Nam, CSBV vận chuyển vũ khí và quân bộ chiến chính qui vào miền Nam. Bằng cả đường bộ lẫn đường biển. Tính từ năm 1960 đến cuối năm 1964, chỉ riêng ở vùng biển Lộc An, tỉnh Phước Tuy (Bà Rịa), Việt Cộng đã nhận được gần 100 tấn vũ khí đạn dược. Từ những nguồn nhân lực và vũ khí này, CSBV mở ra chiến dịch Bình Giã; là một nơi không quá xa nơi chúng đón nhận vũ khí.

Trước khi các vị tướng lãnh trong quân đội VNCH yên vị ở những vị trí lãnh đạo tối cao, trận đánh Bình Giã được xem như là một giọt nước tràn ly, minh chứng cho thấy nước VNCH không thể tự bảo vệ. Quân đội VNCH không thể đảm đương nhiệm vụ bảo quốc. Do vậy, việc người Mỹ đổ quân bộ chiến vào miền Nam Việt Nam là điều mà ai nhìn vào cũng thấy là cần thiết. Ngay cả người dân Hoa Kỳ và các chính phủ ở Đông Nam Á Châu cũng đã từng ủng hộ việc đưa quân Mỹ vào Việt Nam để bảo vệ nền tự do non trẻ

ở đây cũng như để chặn đứng sự đe dọa của vết dầu loang CS xuống các vùng đất đang phát triển ở Châu Á.

Ngày 8/3/1965, Chưa đầy hai tháng sau khi trận Bình Giã chấm dứt, các đơn vị TQLC Mỹ đổ bộ và Đà Nẵng. Từ khởi điểm này, người Mỹ bắt đầu tham dự cuộc chiến tranh mà sau này, người ta thường gọi là “NO WIN WAR”. Đó chính là cuộc chiến tranh giữa các thế lực CS quốc tế đối đầu với Hoa Kỳ và cuộc chiến tranh này diễn ra ngay trên lãnh thổ VNCH và chỉ diễn ra trên lãnh thổ VNCH mà thôi. Chiến tranh được giới hạn rõ ràng. Không lấn lên trên vĩ tuyến 17 mà cũng không lan qua hai nước Lào và Campuchia.

Khi CSBV mở ra cuộc chiến tranh xâm lăng và tự gán cho nó cái mục đích là “thống nhất đất nước” thì miền Nam Việt Nam tự do vẫn mang theo mình chính nghĩa tự vệ, chống lại quân CSBV xâm lăng từ miền Bắc. Đến khi Hoa Kỳ đổ quân bộ chiến vào VNCH thì đảng CSBV đổi chiêu bài “thống nhất” thành chiêu bài “chống Mỹ cứu nước”. Giọng máy tuyên truyền của cả khối CS quốc tế “đồng ca” bài “chống Mỹ xâm lược”. Với tham vọng bành trướng thế lực, CS quốc tế chấp nhận cuộc đối đầu với Mỹ bằng cách đổ toàn lực vào cuộc chiến tranh Việt Nam. Đảng CSBV dốc toàn nhân vật lực, toàn bộ tiềm năng vào cuộc xâm lăng cường chiếm miền Nam. Cuối cùng, chiến tranh cũng chấm dứt và ai cũng nhìn thấy khối CS Âu Châu to lớn bị tan rã vì kiệt lực. “cái nôi” CS quốc tế là Liên Xô cũng vứt bỏ lá cờ Đỏ CS để giương lên lá cờ của nước Nga cũ.

Xem ra, người ta có thể nói rằng, chính những biến cố chính trị ở miền Nam Việt Nam, những hỗn loạn từ thượng tầng kiến trúc, những giai đoạn khủng hoảng lãnh đạo của VNCH là cái nguyên do đưa đến việc CSBV có cơ hội xây dựng và phát triển những đơn vị chính qui ở miền Nam và chính vì thế Mỹ phải đổ quân vào Việt Nam. Khi quân đội Hoa Kỳ hiện diện ở miền Nam, VNCH bị mất đi chính nghĩa tự vệ đồng thời cũng

mất đi quyền chủ động điều hành cuộc chiến.

Từ những suy nghĩ như thế, trận Bình Giả trở thành một cái mốc dẫn đến nhiều vấn đề liên quan đến sự tồn vong của VNCH mà rất tiếc, nhiều cấp lãnh đạo miền Nam đã quá thờ ơ với nó.

Ở trận bình Giả, chiến thuật của địch quân cũng không có gì mới lạ. Cũng là chọn một điểm có sự phòng thủ không đủ mạnh để dùng lực lượng lớn tấn kích và dàn quân đánh chặn viện. Trong khi đó, phía VNCH lại thêm một lần nữa dùng trực thăng vận để rồi đổ quân ngay vào tọa độ địch đã dàn quân chờ sẵn. Cũng vẫn là quân tăng viện bị phục kích bởi địch quân có quân số và vũ khí áp đảo. Đây không phải là lần thứ nhất và cũng không phải là lần sau cùng. Phản ứng của quân đội VNCH vẫn không có gì thay đổi trong các tình huống tương tự sau này. Những tổn thất trong trận Bình Giả rồi sẽ tái diễn ở những trận đánh sau này. Trận Đồng Xoài tháng 6 năm 1965 là một điển hình. Phản ứng của quân đội VNCH cũng lại chỉ là tung từng tiểu đoàn vào trận trong tình huống không rõ quân số địch, không rõ trận liệt địch, không rõ vũ khí địch, không rõ ý định địch. Nghĩa là “đánh mù”.

Ở Bình Giả, trong khi địch quân đánh chiếm vị trí bằng cả 7 ngàn quân với súng tiểu liên AK47 tối tân và súng phòng không 12li7, những nhà cầm quân của miền Nam vẫn chỉ tung vào trận những đơn vị cấp Tiểu đoàn với vẫn là súng carbin của thời đệ nhị thế chiến. Vũ khí yếu hơn, quân số ít hơn, địch trong thế phòng thủ, ta trong thế tiến quân giải toả mà không biết trước trận liệt địch. Làm sao tránh được thương vong, tổn thất? Những cấp chỉ huy can trường và những tiểu đoàn thiện chiến của những binh chủng tổng trừ bị đã phải hy sinh tức tưởi mà cuối cùng quân đội cũng vẫn không rút được kinh nghiệm nào để ứng dụng vào những trận đánh kế tiếp. Một điều rất lạ trong trận đánh Bình Giả,

là BĐQ rồi TQLC cuối cùng là Nhảy Dù được tung vào trận từng tiểu đoàn một mà không có một bộ chỉ huy mặt trận để phối hợp điều binh. Binh Giã thuộc khu chiến thuật nằm trong vùng trách nhiệm của sư đoàn mà không thấy bóng dáng một đơn vị bộ binh nào. Người viết đã được may mắn đọc nhiều bài viết về trận Binh Giã này nhưng chưa thấy ai đề cập đến vị chỉ huy toàn mặt trận trực tiếp điều binh. Khi đơn vị BĐQ đầu tiên chạm địch ngay tại bãi đỗ quân, không thấy cấp chỉ huy nào từ cấp quân đoàn hay cấp sư đoàn thuộc vùng trách nhiệm có những phán đoán trận liệt để bày ra một kế hoạch hành quân phản công hiệu quả. Tiểu đoàn đầu chạm địch, bị tổn thất nặng nề thì tung thêm tiểu đoàn khác vào. Tiểu đoàn thứ hai không tiến vào được thì tung thêm tiểu đoàn khác nữa. Hết BĐQ thì tung thêm tiểu đoàn TQLC. Và chiến thuật vẫn là tiến thẳng vào tuyến phòng thủ của địch. Không có một chiến thuật nào hiệu quả hơn. Không ai nghĩ rằng, quân địch chiếm được Binh Giã nhưng chúng có thể ở lại nơi đó bao lâu? Không có một ai bày ra thế trận để đón đường rút lui của địch, không ai sử dụng các đơn vị LLDB để chờ tìm địch trên đường rút lui mà gọi phi pháo tiêu diệt địch. Không có thế trận nào được bày ra để đưa địch quân vào thế nguy hiểm buộc phải lui binh. Không có một trận liệt thích hợp buộc địch quân phải lui binh theo đúng con đường chúng ta chọn lựa và chờ sẵn. Ở Trận Binh Giã, Quân số của ta cuối cùng đã đưa vào 3 TĐ/BĐQ, 3TĐ/TQLC, 3 TD/ND. Đó là một lực lượng đủ để cho một vị tướng lãnh tài giỏi tiêu diệt toàn bộ địch quân đang nằm trong vùng đất của ta. Rất tiếc, không một ai được giao trọng trách này, không một ai đặt ra câu hỏi: địch sẽ rút về đâu sau đó.

Thời gian chính trị nhiễu nhương ở Sài Gòn, không một ai chịu trách nhiệm về những tổn thất, thương vong của những đơn vị tham chiến. Thời gian này, hết đảo chánh

đến chỉnh lý, các đơn vị cấp sư đoàn hình như bất động. Cũng có thể để tránh một cuộc đảo chánh nữa có thể xảy ra, không một ai có quyền nắm trong tay một đại đơn vị hay có thẩm quyền điều động một đại đơn vị. Do vậy, những phản ứng trận mạc hình như giao hẳn cho các tiểu đoàn quân tổng trừ bị và những vị tiểu đoàn trưởng của các đơn vị thiện chiến này đôi khi phải tìm mọi cách thi hành những cái lệnh từ một cấp chỉ huy chưa từng bao giờ cầm quân tổng trừ bị cấp tiểu đoàn.

Trong suốt những năm tháng đầu cuộc chiến, chính quyền đã không thông báo cho người dân rõ ràng những diễn tiến của cuộc chiến, do vậy, người dân thành thị chẳng bao giờ biết đến mỗi nguy hiểm mà quốc gia đang phải đối đầu. Ở thành thị, suốt thời gian đất nước bị quân CS xâm lăng tấn công uy hiếp, người dân thành thị vẫn hết sức thờ ơ. Chính quyền đã không để cho người dân thấy được nguy cơ mất nước. Do đó, cái kết quả sau cùng dường như đã lộ dạng từ những năm tháng của các trận đánh Bình Giã, Đồng Xoài, Ba Gia ....nhưng rất tiếc, dân chúng nước VNCH cho tới giờ phút cuối cùng vẫn còn nhiều người tin vào một giải pháp...../.

### **Trường An & Trần Nguyên Công.**

*(1) &(2): (Có một con đường trên biển Đông, Nguyễn Ngọc, nxb Trẻ, 2001)*

*(3) & (4): Chính Biến 1-11-1963 & Tổng Thống Ngô Đình Diệm (Trịnh Quốc Thiên & Ngô Đình Châu) Nam Quang Ấn Quán.*

# Bạn tôi

## - những người lính *Biệt Động Quân*

*Tạp bút của* **PHẠM TÍN AN NINH**

Tôi bị các ông Mũ Nâu Trần Tiến San, Nguyễn Thế Đĩnh, Đỗ Mạnh Trường chiêu dụ nên đã đi lạc vào vùng lãnh thổ trách nhiệm của binh chủng thiện chiến này từ nhiều năm nay. Mấy lần ngàn ngại, sợ mang tội “giành dân lấn đất” của mấy ông anh Mũ Nâu, tôi ngỡ ý xin rút lui, “di tản chiến thuật”, nhưng không những không cho mà còn bị rầy cho một trận. Các anh bảo trận chiến bằng ngòi bút bây giờ cần phải “hành quân phối hợp”, để đánh lại cái chiến thuật gọi





là “hiệp đồng binh chủng” gì đó của đám cộng sản. Vì vậy, tôi chỉ xin tạm thời điền vào chỗ trống như một tay súng tập tành cỡ Carbine M-1, M-2, cho đến khi nào các anh có đủ các tay súng M-16, M-18 thì tôi sẽ tự động rút lui có trật tự. Viết cho Tập San Biệt Động Quân cũng đã qua mấy “mùa hè đỏ lửa” rồi, mà tôi chưa có bài nào ca ngợi Biệt Động Quân, thì xem như đã đi lạc vào “Vùng Oanh Kích Tự Do” rồi. Không khéo có ngày lãnh đủ! Vì vậy kỳ này nhất định phải viết về Biệt Động Quân. Những anh hùng và chiến công lẫy lừng của BĐQ thì đã có các cây viết Mũ Nâu thứ thiệt viết hết rồi, tôi không dám làm cái chuyện múa rìu, ngồi dưới đất mà nói chuyện trên trời, một anh chàng họa sĩ kém tài mà dám bày đặt vẽ chân dung của mỹ nhân, hay tập tành bắt chước Trương Vô Kỵ kẻ lông mày cho Triệu Minh quận chúa! Tôi chỉ xin viết về bạn tôi, những người lính BĐQ mà tôi từng quen biết. Tôi nghĩ vì là bạn, nếu lỡ có điều gì không đúng “tần số”, chắc các anh cũng tha, không nỡ phạt.

Nói về bạn bè Mũ Nâu, thì tôi có khá nhiều, từ quan tới lính. Ngay anh em trong gia tộc tôi cũng có hơn một trung đội (đầy đủ theo bản cấp số), đa số đã nằm lại ở các



chiến trường. Bạn cùng khóa thì cũng trên bảy mươi chàng chọn Biệt Động. Ngày ấy, chưa ra vũ đình trường để được quỳ xuống gắn lon, mà đã thấp thoáng bóng dáng nhiều mũ nâu mới toanh trong các Câu lạc bộ Diệm Song, Xuân Hương rồi. Có một số bạn hy sinh hoặc bị trọng thương ngay sau khi vừa mới ra trường. Chắc ngày trở về ít nhiều

gì cũng đã làm “dang dở đời em”. Nhiều bạn chắc đánh đấm có hạng, và đạn thù né tránh, nên đã lên nắm tiểu đoàn từ những năm 71, 72. Mới đây họp khóa điểm danh, dường như hơn một nửa trong số đồng môn Mũ Nâu không bao giờ còn gặp lại. Thôi cũng đành an ủi nhau bằng lời của người xưa: “cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi!”

Tháng 3 năm 1965, giã từ Đồi Tăng Nhơn Phú, về trình diện đơn vị, thuộc một Sư Đoàn Bộ Binh ở tận xứ Buôn Muôn Thuở, tôi lãnh một trung đội chưa tới 20 thằng lính, nửa Kinh nửa Thượng. Mới tập tành đánh đấm vài trận ở Bình Tuy, Di Linh, Quảng Đức, tôi theo đơn vị di chuyển xuống Nha Trang. Vui mừng vì không ngờ lính đánh giặc trên núi trên rừng lại có ngày về thành phố biển thanh bình đẹp đẽ, ngay chính quê mình. Chưa kịp đi tìm những “hang động tuổi thơ” và vết tích của vài mối tình học trò ngày trước, thì có lệnh cùng tiểu đoàn, lên tàu há mồm làm một chuyến “hải hành” đêm. Cùng đi theo có một Chi Đoàn M-113 tăng phái. Lên tàu lúc 10 giờ đêm, chiều hôm sau cập bến Tuy Hòa. Khi ngồi trên chiếc M-113 vừa “đổ bộ” lên bờ, tôi thấy ngoài Trung Tá Trần Văn Hai ra đón, còn có mấy vị sĩ quan Biệt Động Quân tháp tùng ông Tỉnh Trưởng cùng gốc binh chủng này. Đang điểm danh đám lính Thượng vừa “ly sơn” ngỡ ngác, tôi bất ngờ nhận ra trong mấy anh mũ nâu có ông anh con bà cô, Trung úy Nguyễn Văn Tri. Ông anh đẹp trai và hiền lành nhất trong đám bọn tôi lúc còn đi học. Anh em ôm lấy nhau mừng rỡ.



Từ ngày tiễn anh tại sân ga Nha Trang để vào Khóa 10 Thủ Đức, và sau đó làm phụ rể cho anh trong lễ đám cưới với người tình đẹp chung thủy của anh, đến bây giờ anh em mới gặp lại nhau. Hỏi ra mới biết Tiểu Đoàn 23 BÐQ của anh đã có mặt tại Phú Yên từ khá lâu và cũng đã đánh đấm bao nhiêu trận lớn giúp Tiểu Khu này mở rộng vòng đai an ninh. Xứ này thuộc Liên khu Năm của VC trước đây, nên tương đối mất an ninh, đám nằm vùng, du kích địa phương còn hoành hoành ở nông thôn. Gần một năm trước đây, đơn vị tôi cũng từng tham dự trận Vũng Rô -Đá Bia, nằm cực Nam tỉnh này, tịch thu một kho súng cả mấy ngàn khẩu lớn nhỏ đủ loại, mới toanh, của Cộng quân từ miền Bắc chuyển vào bằng đường biển. Ông Tỉnh Trưởng lại gốc đàn anh Biệt Động Quân, một người từng nỗ lực góp sức tạo dựng TTHL Biệt Động Quân Dục Mỹ từ một doanh trại dã chiến hoang phế của một đơn vị thuộc Sư Đoàn 23BB giao lại, nên em út hết lòng với ông là phải đạo. Từ khi Trung tá Trần Văn Hai về làm tỉnh trưởng, có Tiểu Đoàn 23 BÐQ hoạt động thường xuyên, tình hình an ninh ở Phú Yên khá lên rất nhiều. Anh Tri bảo tôi và mấy sĩ quan trong đại đội lên xe jeep, anh chở chạy theo đoàn xe, về vị trí nghỉ quân tạm tại Khu Nhà Bàng. Chờ sắp xếp đơn vị xong, anh kéo bọn tôi ra một quán nhậu để tâm tình. Quán này nổi tiếng món cá lóc nướng và có hai cô con gái Huế thuộc hàng mỹ nhân. Biết trong đám bọn tôi có hai anh thiếu úy tốt nghiệp Khóa 19 VB, nên anh Tri gọi máy về Tiểu Đoàn gọi một chàng cùng Khóa 19 ra gặp bạn đồng môn và nhậu lai rai với bọn tôi. Anh Thiếu úy BÐQ này cao ráo, đẹp trai, ít nói và có ngón đàn rất hay. Anh được giới thiệu là “Chương guitar”. Sáu năm sau tái ngộ ở Đà Lạt, bọn tôi đã thấy anh đi xe jeep có mấy cái cần câu, mang lon thiếu tá và đang làm tiểu đoàn trưởng của một Tiểu Đoàn BÐQ. Anh rủ bọn tôi theo anh xuống khu Trại Hành, đến một căn biệt thự ă

cháo gà. Nhà có một bầy con gái đẹp. Thấy các cô này có vẻ nể nang anh lắm, bọn tôi ngại, không biết bà con hay quen biết thế nào với anh, nhưng anh nháy mắt cười bảo là mấy cô này là em bà con tao, thằng nào có tài thì cứ tán thẳng tay. Không ngờ tôi có duyên nợ với anh. Sau ngày sa cơ, tan đàn xẻ nghé, hai anh em lại gặp nhau trong một trại tù ngoài Bắc, ở cùng tổ, nằm bên cạnh nhau. Tối nào hai anh em cũng uống trà tươi, vì đội tù chúng tôi có nhiệm vụ trồng và hái trà. Anh sống trầm lặng, khép kín, nhẩn nhục, nhưng luôn khí khái và tự cách. Anh rất khéo tay, tìm gỗ tốt làm được cây đàn. Tôi phụ anh bào gỗ bằng mấy mảnh ve chai và đánh bóng màu nâu bằng một loại vỏ cây, tôi hỏi xin của đám tù hình sự. Tối tối vừa uống trà vừa chơi Hạ Uy Cầm. Tiếng đàn của anh nghe réo rắt, náo nức, làm cả đám công an gác tù mê mẫn, bu lại phía bên ngoài để nghe. Anh trở thành một trong những bạn tù thân thiết của tôi. Và dường như anh cũng chỉ quen thân mỗi một mình tôi.

Ngoài anh Chương guitar, tôi còn có một anh bạn làm “đại bàng” bên BĐQ. Nói là bạn cho oai, chứ tôi xem anh ấy như ông anh. Tôi quen và trở nên thân tình với anh trong một trường hợp khá đặc biệt.

Năm 1970, khi toàn bộ Trung Đoàn tôi đang trú đóng tại bản doanh Sông Mao, làm thí điểm thực thi Kế Hoạch Chân Trời Mới, một vị Thiếu Tá từ đâu mang ba lô về trình diện. Trông lạ hoắc. Tướng mạo lại có chút gì đó không bình thường: nhỏ con, đầu trọc và cặp mắt hơi lồi. Ông Trung Đoàn Trưởng nói nhỏ với bọn tôi: Tay này gốc Biệt Động Quân, từng là đại đội trưởng và tiểu đoàn trưởng đánh đám nổi tiếng từ cái thời binh chủng này chưa thành lập cấp liên đoàn. Chỉ cái tính ngang bướng, bất cần đời, nên bị đi, trong cái lệnh thuyền chuyên về đây có ghi chú “không được giữ các chức vụ chỉ huy”. Ban bè cùng thời đều mang lon trung tá hết, có một số lên đại tá, chỉ có anh còn thiếu

tá. Anh tạm thời được giữ lại ở Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn với một chức vụ không có trong bản cấp số: Trưởng Trung Tâm Hành Quân. Với cái chức vụ này thì anh không có lính mà cũng chẳng có xe. Phải sử dụng chung xe với Ban 3. Thấy anh là một niên trưởng lại có quá khứ đánh đấm ngon lành, tôi thấy nể và tội nghiệp, luôn tỏ ra lễ phép và kính trọng anh. Ngược lại anh cũng rất quý mến tôi, thường ngồi tâm tình kể cho tôi nghe những trận đánh mà anh từng tham dự. Tôi đưa xe cho anh đi và kéo về ở chung nhà trong cư xá, cơm nước vợ tôi lo. Rượu, bia thoải mái, được mấy anh cố vấn Mỹ làm quà. Cuối tháng, lãnh lương anh móc ví đưa tiền, tôi quạt một trận, bảo “bộ tụi này không nuôi nổi anh hay sao?” Anh cười, nhưng lại lén đút vào túi mấy đừa con tôi, bảo là quà của bác. Anh xem vợ chồng tôi như em út trong nhà. Anh ít nói, sống khép kín. Và dù với một công việc không tương xứng, nhưng anh luôn chu toàn, không hề than vãn trách móc một ai.

Một thời gian, thấy anh có khả năng và chẳng có điều gì chê trách, ông Trung Đoàn Trưởng làm tờ trình lên Sư Đoàn và Quân Đoàn, xin cho anh ra nắm tiểu đoàn. Đề nghị được chấp thuận nhưng anh lại phải chuyển sang một trung đoàn khác. Chia tay, bọn tôi cũng bịn rịn lắm. Anh còn tặng

tôi một khẩu Browning nhỏ xíu, anh bảo anh mua lúc sang học một khóa chỉ huy tham mưu bên Mỹ. Tiểu Đoàn của anh hành quân dài hạn ở Quảng Đức,



thình thoảng anh liên lạc thăm tôi qua hệ thống siêu tần số của Tiểu Khu. Mấy tháng sau, tôi bất ngờ nhận được tin vợ con anh đều bị tử nạn, khi VC giật mình chiếc xe jeep của anh tại một địa điểm không xa tòa tỉnh. Vốn đã uống rượu thay nước, bây giờ anh uống rượu nhiều hơn. Lần nào nói chuyện qua điện thoại, tôi cũng nghe “hơi men” trong giọng nói của anh. Không biết có phải vì thông cảm cho sự mất mát quá lớn lao này, mà dùng một cái anh được trở về lại Binh Chung BĐQ, thăng cấp Trung tá và chỉ huy một Liên Đoàn ở Vùng 2.

Tháng 4/72 tôi theo đơn vị lên Kontum, lại có dịp gặp anh trong các cuộc hành quân phối hợp. Anh thường hú tôi ra ăn cơm, uống rượu ở các quán Bạch Đằng, Thiên Nam Phúc. Một lần anh dắt Liên Đoàn trừ (chỉ có hai tiểu đoàn), tặng phái cho đơn vị tôi, hành quân trong khu vực Chu Pao. Không biết lệnh lạc thế nào anh bất bình, cự nự và còn “xổ tiếng Đan Mạch” với ông Đại tá Trung đoàn trưởng. Ông này vừa từ một trung đoàn khác về nắm trung đoàn tôi, thay cho Đại tá Võ Hữu Hạnh. Ông sếp của tôi đòi báo cáo Tướng Toàn đề nghị đưa anh ra Tòa Án Quân Sự. Tôi lên máy gọi cho anh, ngửi thấy mùi rượu trong giọng nói của anh, anh bảo “Lúc trước, thời còn ở Quảng Đức, moa làm tiểu đoàn trưởng cho cha ấy, cha đi và phạt moa 15 ngày trọng cấm rất tào lao, moa “đ..” phục!” Tôi an ủi “vượt giận” anh, và nói với ông Đại tá: “Ông Liên Đoàn Trưởng đang say, Đại Tá chấp làm gì”. Làm dữ nhau vậy chứ cả hai ông đều đã biết tầy nhau, hết giận.

Sau trận chiến “Mùa Hè Đỏ Lửa” nhờ tạo được chiến thắng vẻ vang, nên cả Trung Đoàn tôi được cho về dưỡng quân 2 tháng ở Đồi Đức Mẹ Pleiku. Thời gian này BCH Liên Đoàn của anh đóng tại Căn Cứ 41, trên QL 14 giữa Pleiku- Kontum. Ngày nào không có hành quân, anh lại xuống rủ tôi ra nhậu ở một cái quán ngoài Chợ Mới, cùng

một một số sĩ quan của anh. Lần nào bà chủ quán cũng đãi bọn tôi một chai Hennessy “cổ vàng”. Bà góa chồng, còn trẻ và có nhan sắc. Nghe mấy vị sĩ quan của anh cho biết, bà là bồ của anh. Không biết trong đơn vị, thuộc cấp, đồng đội đánh giá anh ra sao, nhưng với tôi anh là một người khí khái, chí tình, nhưng sống hơi “bất cần đời”. Trong Biệt Động Quân, đặc biệt ở Quân Khu 2, có lẽ không ai không biết tên anh kèm theo một biệt danh: “Lang Trọc”.

Cả hai anh Chương và Lang, sau những ngày tù tội, được sang Mỹ theo diện HO, sống ẩn dật trước khi qua đời. Tôi chỉ được nói chuyện một vài lần qua điện thoại.

Tôi hân hạnh được quen biết với hai ông quan của binh chủng Mũ Nâu này trong những trường hợp rất tình cờ, nhưng còn đọng lại trong lòng tôi những kỷ niệm và tình cảm khó quên.

Tôi cũng có một anh bạn thân gốc BDQ, trước 75 là một Hạ sĩ 1, tài xế. Anh đã để lại trong tôi nhiều cảm xúc và một niềm ân hận khôn nguôi, vì nghĩ mình đã không xứng đáng với tấm lòng của anh, không giữ được lời hứa với anh trước khi anh mất.

Sau hơn một năm chuyển tù từ miền Bắc vào Nam, tháng 9 năm 1983 tôi được thả ra khỏi trại Z.30C. Về nhà chưa hết nỗi vui mừng gặp lại vợ con, tôi đã nhìn ra một tương lai u ám của gia đình. Đã vậy còn bị bọn chính quyền địa phương gây khó khăn, áp chế đủ điều. Lúc này muốn tìm bất cứ một việc gì làm kiếm cơm cũng quá nhiều khê. Làm lơ xe đồ cho ông anh họ một thời gian. Chiếc xe cũ được biến chế từ một chiếc xe Jeep, không chịu nổi tình tạng “quá tải” mỗi ngày, nên cứ hư hỏng luôn mà lại không kiếm được phụ tùng thay thế. Rất may tôi có một chú em bà con, trước kia là trung sĩ của tôi, tìm đến thăm và bảo tôi lên Ban Mê Thuật phụ trồng cà phê với gia đình chú. Cô vợ gốc Bắc Kỳ di cư 54, nhưng đã sống ở Ban Mê Thuật từ

lâu, rất chịu khó và am tường về chuyện trồng trọt, nhất là cà phê. Sau hơn ba tháng, với nhiều khó khăn, tôi mới xin được “giấy phép tạm vắng”(?) và “giấy phép đi đường”. Đón chiếc xe đồ nhỏ, tôi lên BMT tìm đường đến nhà chú em. Thờì ấy chẳng có điện thoại để liên lạc. Xuống bên xe BMT tôi chẳng biết phải làm sao, hỏi thăm anh tài xế, mới té ngựa là nhà thằng em ở cách xa thành phố cả hơn sáu cây số. Trời lại sắp tối. Anh tài xế tốt bụng mời tôi về nhà nghỉ tạm. Ngồi tâm tình, khi biết tôi đi tù mới về và một ít về tôi, anh đứng dậy đưa tay lên nghiêm chào theo kiểu nhà binh, gọi tôi là ông thầy. Tôi bất ngờ cảm động. Trong cái cảnh nhá nhem tình nghĩa này vẫn còn có những người lính chung thủy như anh. Anh cho biết trước 75, anh là Hạ sĩ 1, tài xế của một Liên Đoàn BĐQ ở Pleiku. Anh giữ tôi ở lại nhà, giới thiệu với vợ và hai đứa con nhỏ, bảo vợ nấu nướng mấy món để hai anh em nhậu chơi và nói chuyện đổi đời. Chị vợ cũng rất vui vẻ hiếu khách. Ban Mê Thuật là nơi đại đơn vị của tôi đặt Bộ Tư Lệnh ở đây từ năm 1960 cho đến ngày bị Cộng quân đánh chiếm, dẫn đến việc di tản Quân Đoàn II và mất cả miền Nam. Trục thuộc Sư Đoàn 23 BB, nhưng Trung Đoàn tôi lại phụ trách vùng duyên hải, chỉ thỉnh thoảng về đây tham dự các cuộc hành quân phối hợp qui mô. Riêng tôi mỗi năm về đây họp ở BTL một đôi lần. Do vậy tôi không mấy am tường địa thế. Hơn nữa, bây giờ cũng đã đổi thay nhiều quá. Dân ngoài Bắc đổ xô vào đây giành đất của người Thượng, nên đã từng xảy ra xô xát. Bất mãn, nhiều thanh niên Thượng đã bỏ buôn làng, trốn sang Thái Lan, Cam Bốt, hoặc gia nhập Lực Lượng Fulro chống lại CS.

Sáng sớm hôm sau, anh bạn gốc BĐQ chở tôi đến khu vườn cà phê của thằng em bằng xe Honda. Nếu không có anh, chắc tôi không thể nào tìm được, vì đường không có tên và nhà cũng chẳng có số. Anh dừng lại hỏi thăm nhiều



người mới tìm được đến nơi. Tôi giới thiệu anh với thằng em. Hai người chỉ kịp bắt tay, vì anh còn phải trở về cho kịp lái chuyển xe đò đi Nha Trang.

Vừa ở được hai hôm, bọn công an địa phương tìm tới hạch hỏi, không cho phép tạm trú. Thằng em phải lo lót chút tiền, cuối cùng tôi cũng chỉ được làm việc ở đây ban ngày, còn tối thì không được phép ở lại, vì vùng này có hoạt động của Fulro. Bọn công an cho biết thế. Tội nghiệp thằng em, lo lắng chạy vạy khắp nơi vẫn không được. Không muốn gây phiền hà cho em út, tôi bảo chở tôi về phố, tìm đến nhà anh tài xế xe đò gốc BDQ để xin theo xe về lại Nha Trang. Không ngờ, khi gặp anh, anh nhất quyết giữ tôi ở lại, anh hứa sẽ cùng với thằng em đưa đón tôi từ vườn cà phê về nhà anh ngủ mỗi đêm, cơm nước anh lo. Vợ chồng làm ăn, nên quen biết hết đám công an. Anh tin là bọn chúng sẽ không làm khó dễ gì tôi. Nếu cần anh chỉ nhét vào miệng bọn nó ít tiền là xong ngay.

Làm cà phê chừng hơn một tháng, thấy phiền hà quá, hơn nữa vườn cũng vừa mới khai quang, nhỏ, không có nhiều việc để làm, nên tôi bảo thằng em và cả anh tài xế, tôi muốn về lại nhà để tìm cách vượt biên, chứ không thể tiếp tục sống cuộc đời như thế, nhất là tương lai đen tối của mấy đứa con. Thằng em biểu cho một ít tiền. Đêm cuối cùng ở nhà anh tài xế, hai anh em tâm tình khá lâu, anh bảo cũng rất muốn vượt biên nhưng khó tìm ra mối và thời gian ấy có rất nhiều người bị gạt, tiền mất tật mang, không biết tin ai. Anh ngỡ ý mong muốn cùng tôi vượt biên. Tôi hẹn sẽ nhất định tìm gặp anh khi có đầu mối. Sáng hôm sau tôi theo xe anh về nhà ở Ninh Hòa. Anh ghé lại nhà tôi chơi và còn dúi vào tay tôi một mớ tiền, bảo là biểu cho các cháu. Sau khi anh đi rồi, xem lại, tôi rất cảm động vì số tiền anh biểu, với tôi lúc ấy không phải là ít.

Tôi bắt đầu tổ chức chuyển vượt biên cùng với một nhóm

bạn cùng tù. Chuyến đi sắp thực hiện, tôi ra bên xe máy lần tìm anh, không gặp. Tôi lên Ban Mê Thuật, và rất bất ngờ được biết xe anh vừa bị tai nạn trên đèo M'Drak, anh bị thương nặng đang nằm trong bệnh viện. Tôi đến thăm, mình mẩy còn quần đay băng trắng, cả hai chân bị gãy, vừa mới được giải phẫu, còn treo lên thành giường. Nước mắt tôi ứa ra, chỉ ôm nhẹ vai anh mà không nói được lời nào.

Chuyến vượt biên, tôi không thể một mình quyết định được. Hơn nữa cần phải bí mật và đúng thời điểm. Tôi có nói về anh và xin các bạn vui lòng chờ thêm một thời gian nữa, nhưng tất cả đều phản đối, bảo phải ra đi càng sớm càng tốt, kéo dài thêm nhất định sẽ bị lộ. Khi đưa vợ con và bạn bè xuống tàu vượt biển, lòng tôi rất buồn vì thiếu gia đình anh, người bạn BĐQ rất có lòng và chí tình với tôi. Chuyến đi thành công, nhưng riêng tôi lòng vẫn đau đáu vì không giữ tròn lời hứa với một người bạn, một chiến hữu đàn em, đã từng mở rộng vòng tay và cả tấm lòng giúp mình trong lúc cùng quần khó khăn.

Sau khi đến trại tỵ nạn Singapore, một trong những người đầu tiên tôi gửi thư về, là anh. Trong thư tôi trình bày khéo léo để anh hiểu là tôi rất ân hận vì không giữ lời hứa và cũng mong anh thông cảm cho hoàn cảnh đặc biệt, bất khả thi của tôi. Tôi hứa sẽ lần lượt giúp anh một số tiền để anh tìm chuyến vượt biên an toàn khác. Nhờ một vị mục sư Tin Lành giúp, giới thiệu ra làm chui ở một nhà kho ngoài phố Singapore, tôi xin ứng lương trước, và gửi cho anh 500 đô la, như một món quà tượng trưng cho lời xin lỗi của mình. Tất cả tôi đều gửi về cho thằng em làm cà phê, nhờ trao lại cho anh. Một tháng sau, nhận hồi âm từ thằng em. Tôi bàng hoàng khi biết là anh bạn Biệt Động Quân đáng quý của tôi đã chết sau vài ngày tôi ra đi, vì vết chấn thương làm máu tụ lại trong đầu, bệnh viện không kịp và cũng không có khả năng giải phẫu. Số tiền tôi gửi về chỉ đủ để chị vợ xây mộ

cho anh!

Về phần tôi, sau hơn hai ngày bênh bồng trên biển, chúng tôi được một chiếc tàu chở dầu của Na-Uy cứu vớt, trước khi một cơn bão lớn ập xuống. Với ân tình đó, chúng tôi chọn Vương Quốc Dầu Lửa Bắc Âu này là nơi để tạm gởi phần đời còn lại của mình, gầy dựng tương lai cho mấy đứa con và cũng để chữa trị vết thương chưa lành được trong lòng. Sau hơn hai tháng ở trại Singapore, và sáu tháng ở trại tỵ nạn chuyển tiếp Bataan, gia đình tôi được đến Oslo, định cư. Khi bước ra khỏi cổng phi trường Fornebu xa lạ, tôi bất ngờ, xúc động khi có một số đồng hương đến đón. Điều vui hơn đa số đều là những đồng đội gốc lính ngày xưa. Trong số này tôi đặc biệt chú ý đến một anh rất trẻ, trên đầu đội cái bê rê màu nâu đã phai màu. Không ngờ sau này anh lại trở thành một trong số bạn bè thân thiết của tôi. Lúc ấy anh đang sống độc thân, vì vợ còn ở Việt Nam. Vợ và đứa con trai đầu lòng của anh cũng đã đi vượt biên một chuyến khác, sau anh vài tháng, nhưng không may, ghe bị chìm trên biển, chị bị bắt và đứa con đã chết. Chuyện buồn này lại hằn thêm trong lòng anh một vết thương khá lớn.

Anh nhỏ hơn tôi nhiều tuổi, và biết tôi đi lính trước nhiều năm, nên anh coi tôi như anh. Nhưng qua tư cách và lòng quý trọng, tôi luôn xem anh là một người bạn, đúng nghĩa bạn. Trước 75, anh là Trung úy, Trưởng Ban 2 (kiêm Trưởng Ban 5) của Tiểu Đoàn 21 BÐQ, Vùng I.

Chúng tôi cùng nhiệt tình hoạt động trong một tổ chức kháng chiến. Vào thời điểm ấy, tổ chức này rất nổi tiếng và được bà con đồng hương khắp nơi tham gia, ủng hộ. Anh luôn nỗ lực, sẵn sàng tình nguyện làm bất cứ một công tác nào. Ngày đêm không mệt mỏi. Cuối tuần còn đi làm thêm ngày thứ Bảy hay Chủ Nhật để đóng vào Quỹ Kháng Chiến, có khi anh trích cả nửa tháng lương. Khi một cán bộ cao cấp của tổ chức này từ Hoa Kỳ đến Na-Uy sinh hoạt,

cả anh và tôi đều tình nguyện xin được về “chiến khu quốc nội”(?), nhưng ông ta bảo không còn cần thiết nữa. Chỉ một tháng sau đó, tổ chức này rạn nứt, tan vỡ, phơi bày bao điều không thật, đau lòng. Chúng tôi thất vọng và phẫn nộ khi có cảm giác mình bị lừa dối. Đau buồn nằm nhà một thời gian như một người cần được dưỡng thương, anh đứng dậy bằng tất cả nghị lực, đi thăm tất cả bà con đồng hương trong vùng anh cư ngụ, đặc biệt gặp nhiều thanh thiếu niên, sinh viên học sinh, trang bị cho họ tinh thần yêu nước, chống Cộng, tham gia vào các tổ chức cộng đồng và các cuộc biểu tình chống các cuộc “tham quan” của đám chính quyền cộng sản đến Nauy tổ chức văn nghệ, triển lãm có tính tuyên truyền. Anh phân tích và khuyên những thanh niên trí thức không về cộng tác với kẻ thù trong nước, khuyên bà con hạn chế về Việt nam, nhất là chỉ để du lịch. Sau khi bảo lãnh vợ sang, cả hai vợ chồng đi làm cật lực. Vợ anh là một giáo chức trẻ thời VNCH, nên được tiếp tục dạy tiếng Việt cho học sinh, sinh viên Việt nam, như là ngôn ngữ thứ ba được chính thức công nhận trong các trường trung học Na-Uy. Anh chị mua ngôi nhà khá đẹp, ngoại ô một thành phố nhỏ, nằm bên bìa rừng và một con sông tĩnh mịch. Anh tự tay làm một cái vọng gác khá cao, có thang trèo lên. Trên vách có vẽ hình đầu con cọp, huy hiệu của BĐQ. Mùa hè, tối nào anh cũng leo lên, nằm đu đưa trên chiếc võng nilon, uống rượu mà nhớ chiến trường xưa, hoặc đứng quan sát bốn phương với chiếc ống nhòm, tưởng như mình đang còn gác giặc. Mỗi lần nhắc đến đơn vị, hay một đồng đội nào đã hy sinh, anh khóc tức tưởi, nước mắt đầm đìa. Vợ con, bạn bè bảo tính anh thì nóng như Trương Phi mà dễ rơi nước mắt. Anh ca ngợi đơn vị anh, Tiểu Đoàn 21 BĐQ, đồng đội và mây ông thầy của anh dữ lắm. Lúc ấy tôi chưa biết “anh hùng bạt mạng” Trần Thy Vân và người hùng Thiểu Tá Quách Thương là ai, nhưng chỉ nghe qua lời anh kể là bọn

tôi thấy nề hai ông thâm quyền và đại bàng của anh ấy rồi. Trong phòng khách, cái bê-rê màu nâu và cái mũ sắt mang lưới nguy trang có hình đầu con cọp được để trân trọng trên kệ sách. Tôi biết anh luôn hãnh diện và trân trọng binh chủng và nhớ tới đồng đội cùng đơn vị cũ của mình.

Quê ở Huế, anh xuất thân từ một gia đình thế giá. Các anh chị đều là giáo sư và công chức cao cấp thời VNCH. Có một bà chị và một cô em gái định cư ở Mỹ từ lâu, nhưng anh không sang Mỹ mà chọn Na-Uy để định cư. Tôi cũng không ngờ anh “hận” Mỹ ghê gớm như vậy. Mỗi lần ngà ngà say là anh chửi Mỹ, réo tên Kissinger ra mà chửi, gọi là lũ khốn kiếp, phản bội, bán đứng đồng minh! Và anh nhất định không sang Mỹ. Sau này vợ chồng tôi và bà xã của anh khuyên mãi, bảo phải sang thăm đồng đội và nhất là mấy ông thầy, ai nấy đều già hết rồi, không sang gặp để rồi mai một ân hận. Vì vậy mà vượt biển định cư ở Na-Uy từ năm 1980, mãi đến mùa hè 2013 anh mới sang Mỹ lần đầu để tham dự Đại Hội BDQ Kỷ Niệm 53 Năm Thành Lập Binh Chủng BDQ tại San Jose, và ghé Hawaii thăm một người đàn em rất chí tình, vẫn đang còn sống đời độc thân bên ấy.

Cả vợ chồng rất tích cực trong các sinh hoạt cộng đồng, nhất là việc gây quỹ ủng hộ anh em Thương Phế Binh còn sống khốn khổ ở quê nhà. Mỗi lần nhìn hình ảnh các anh em TPB với thân thể không toàn vẹn, mù lòa khốn khổ, được các linh mục Dòng Chúa Cứu Thế Sài Gòn đón về sinh hoạt, giúp đỡ, anh khóc cả ngày, không ăn cơm, chỉ ồng rượu tiêu sầu. Sau đó anh liên lạc với linh mục Đinh Hữu Thoại. cảm ơn ông và đi vận động bà con, góp tiền gửi về đóng góp.

Tôi thương và rất quý anh, quý một người bạn tư cách khí khái, và tấm lòng của một người lính VNCH thủy chung.

Mười năm sau này, sau khi về hưu, tôi thường sang Cali sống sáu tháng mùa đông, trốn cái lạnh Bắc Âu, mà với tuổi

già càng lúc cái lạnh như càng ngấm vào da thịt và cả trong lòng mình, tôi có dịp quen biết với nhiều cựu Mũ Nâu khác, và dù quan lớn hay quan nhỏ gì ai nấy cũng dễ thương. Các anh Nguyễn Minh Chánh, Trần Tiến San, Nguyễn Thế Đĩnh, Đỗ Mạnh Trường, Trần Như, “Bà ngoại” phó nhóm Hồng Hải(Văn Hà), chuyên viên viết phóng sự, người hùng Polei Kleng Phan Thái Bình... Đặc biệt trong số này có ông Thiên Lôì “Đĩnh Đầu Bạc” là ông anh đồng môn huynh trưởng của tôi ở Trường Võ Tánh Nha Trang, thời anh vừa bước chân xuống tàu há mồm ca bài “ *Tôi xa Hà nội năm lên mười...sáu, khi vừa biết yêu. Bao nhiêu mộng đẹp yêu đương thành khói tan theo mây chiều...*” Ông bạn Trần Như là đồng hương Nha Trang rất hiền hậu dễ thương, người xứ Cổ Thành, nhưng đã đón được cô ca sĩ trẻ Phan Thiết về dinh. Thỉnh thoảng tôi vẫn gặp các anh cùng với nhiều Mũ Nâu khác ở Cà phê Factory, ngồi kể chuyện chiến trường, chuyện một thời ngang dọc ngày xưa. Tôi quý các anh vẫn giữ được cái tình đồng đội, huynh đệ chi binh, và bỗng dưng tôi nhớ tới bài Nhớ Rừng của nhà thơ Thế Lữ viết từ năm 1936

*Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ,  
Thửa tung hoành hống hách những ngày xưa.  
Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già,  
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi,  
Với khi thét khúc trường ca dữ dội,*

... ..

*Hỡi oai linh, cảnh nước non hùng vĩ!  
Là nơi giống hùm thiêng ta ngự trị.  
Nơi thênh thang ta vùng vẫy ngày xưa,  
Nơi ta không còn được thấy bao giờ!  
Có biết chăng trong những ngày ngao ngán,  
Ta đương theo giấc mộng ngàn to lớn  
Để hồn ta phảng phất được gần người,*

Xin cảm ơn bạn tôi, những người hùng Biệt Động Quân, dù quan hay lính, đã chết hay còn sống, vẫn luôn là những con hổ khí phách, nhớ rừng, nhớ đồng đội và đang luôn tâm niệm một ngày giải phóng quê hương. Đúng là “Người lính già không bao giờ chết, họ chỉ mờ dần theo năm tháng”, như lời một bài hát rất xưa mà Tướng Douglas MacArthur đã dùng trong bài diễn văn đọc trước Lưỡng viện Quốc Hội Hoa Kỳ, ngày ông rời quân ngũ:

*“Tôi đang khép cánh cửa cuộc đời binh nghiệp 52 năm. Khi tôi gia nhập quân đội trước khúc quanh thế kỷ, mọi hy vọng và ước mơ thơ ấu đã thành tựu. Thế giới đã đổi thay bao phen kể từ khi tôi tuyên thệ trên vũ đình trường West Point, và những giấc mộng và ước mơ đã tan biến từ lâu. Nhưng tôi vẫn còn nhớ điệp khúc một bài ca quen thuộc nhất trong doanh trại của thời đó được hát một cách kiêu hùng: “Người lính già không bao giờ chết, họ chỉ mờ dần với năm tháng”. Và giống như người lính già của câu hát đó, tôi đang khép cửa cuộc đời binh nghiệp và mờ đi, và người lính già đã cố gắng làm tròn nhiệm vụ mà Thượng Đế đã soi sáng để thấy nhiệm vụ đó. Xin chào tạm biệt mọi người” (I am closing my fifty two years of military service. When I joined the army before the turn of the century, it was the fulfillment of my boyish hopes and dreams. The world has turned over many times since I took the oath on the plain at West Point, and the hopes and dreams have long since vanished. But I still remember the refrain of one of the most popular barrack ballads of that day which proclaimed most proudly that - Old soldiers never die, they just fade away. And like the old soldier of that ballad I now close my military career and just fade away, and old soldier who tried to do his duty as God gave him the light to see that duty. Goodbye!)*

**Phạm Tín An Ninh**